TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tuấn, bà Đỗ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-DS ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

*** *Nguyên đơn***: Bà Phạm Thanh M, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường D, tỉnh Ninh Bình); có mặt.

*** *Bị đơn***: Ông Lưu Văn L, sinh năm 1975 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977 (có mặt); cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam (nay là Tổ dân phố T, phường D, tỉnh Ninh Bình);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Phạm Thanh M trình bày:

Do mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T, từ năm 2021 đến nay, vợ chồng ông L, bà T có vay của bà tổng số tiền 100.000.000 đồng và 10 chỉ vàng (tương đương với 01 cây vàng 9999) cụ thể: Ngày 08/10/2021 ông L và bà T vay bà số tiền 60.000.000 đồng để mua vườn na tại Hòa Bình nhằm phục vụ cho việc buôn bán hoa quả của gia đình ông L, bà T. Tại thời điểm này hai bên có lập văn bản là *"Giấy vay tiền không thế chấp"* làm bằng chứng (có chữ ký xác nhận của ông L, bà T). Trong đó, các bên thỏa thuận vợ chồng ông L phải có trách nhiệm trả tiền lãi suất hàng tháng cho bà M nhưng chưa ghi nhận rõ mức lãi suất là bao nhiêu. Khoảng

thời gian từ năm 2021 tới giữa năm 2022, ông L bà T vay bà nhiều lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng để lấy hoa quả phục vụ cho việc buôn bán. Đối với các khoản vay này các bên không có thỏa thuận gì về lãi suất và không lập thành văn bản. Tuy nhiên, đến ngày 01/6/2022, hai bên đã chốt công nợ bằng *"Giấy vay tiền"* để xác nhận lại toàn bộ số nợ mà ông L, bà T vay bà từ ngày 08/10/2021 đến ngày 01/6/2022 với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Giấy vay tiền đề ngày 01/6/2022 có chữ ký xác nhận của người vay là ông L, bà T. Tiếp đó, ngày 06/9/2022 ông L, bà T tiếp tục vay của bà 10 chỉ vàng 04 số 9. Việc vay vàng được 02 bên xác lập bằng *"Giấy vay vàng không thế chấp"*, ngoài ra các bên không thỏa thuận về lãi suất.

Tất cả các khoản vay trên đều không có thế chấp tài sản gì, không chốt rõ thời gian trả mà các bên chỉ thỏa thuận khi nào bà M yêu cầu thì ông L, bà T phải trả trong vòng 30 ngày. Ngày 06/10/2024 bà M yêu cầu ông L, bà T trả lại toàn bộ nợ vào cuối tháng 11/2024. Tuy nhiên, đến nay ông L, bà T vẫn đưa ra nhiều lý do khác nhau như: Chưa có tiền, chưa bán được đất nhằm khất lần không thanh toán trả bà M. Vì vậy, ngày 15/4/2025, bà M làm Đơn khởi kiện đến TAND thị xã Duy Tiên (nay là Khu vực 6, tỉnh Ninh Bình) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà T phải trả bà số tiền gốc 100.000.000 đồng (không tính lãi) và 10 chỉ vàng 9999 (Kèm theo đơn khởi kiện, bà đã nộp cho Tòa án Giấy vay tiền không thế chấp đề ngày 08/10/2021 và Giấy vay vàng không thế chấp đề ngày 06/9/2022).

Bị đơn ông Lưu Văn L trình bày: Vợ chồng ông có vay của bà Phạm Thanh M số tiền 100 triệu và 10 chỉ vàng 9999. Khi vay vợ chồng ông có ký giấy vay tiền còn Giấy vay vàng thì ông khẳng định bà T vợ ông có ký Giấy vay vàng. Khoản nợ này là đo vợ chồng vay chung nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông xin khất nợ bà M. Các Giấy vay tiền đều do vợ chồng ông cùng ký, khi bà M khởi kiện đến Tòa án cũng không gặp nói chuyện về việc đòi nợ vợ chồng ông để tìm phương án giải quyết. Nay bà M khởi kiện đòi nợ thì vợ chồng ông xác nhận có vay nợ song do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin khất để trả nợ sau. Hiện nay bà T (vợ ông) đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, bà T cũng biết việc bà M đòi nợ vợ chồng bà nhưng do đi làm ăn, bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết việc bà M đòi nợ được. Do vợ chồng ông bà bận công việc nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các buổi công khai chứng cứ và hòa giải và xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử. Ông L cam kết sẽ giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho vợ là bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án Buộc vợ chồng ông L, bà T phải trả cho bà số tiền gốc 100.000.000 đồng (không tính lãi) và 10 chỉ vàng 9999 và bà không thay đổi, bổ sung gì. Bị đơn bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa xác nhận vợ chồng bà có nợ bà M số tiền và vàng như bà mai khởi kiện, khi vay các bên cũng thống nhất thỏa thuận vay tiền trả bằng tiền, vay vàng trả bằng vàng và bà xin được trả dần số nợ trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thanh M đối với bị đơn là ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà Phạm Thanh M số tiền nợ gốc gốc là 100.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999 (theo giá vàng thị trường công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án là 12.700.000đ/1 chỉ). Án phí DSST: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thanh M được chấp nhận nên bị đơn là ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí DSST có giá ngạch. Trả lại bà Phạm Thanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000đ tại biên lai số 0001608 ngày 06/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Ninh Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn là bà Phạm Thanh M có mặt. Bị đơn là ông Lưu Văn L vắng mặt và đã có lời khai xin xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng: Việc bà Phạm Thanh M có cho vợ chồng ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T vay tiền nhiều lần, trong đó có 01 *"Giấy vay tiền không thế chấp"* đề ngày 08/10/2021 vay số tiền 60.000.000đ (có thỏa thuận lãi suất ông L, bà T phải trả hàng tháng nhưng không nêu cụ thể mức lãi suất bao nhiêu phần trăm). Sau đó ngày 01/6/2022, hai bên đã chốt công nợ bằng *"Giấy vay tiền"* để xác nhận lại toàn bộ số nợ mà ông L, bà T vay bà M từ ngày 08/10/2021 đến ngày 01/6/2022 với tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Giấy vay tiền đề ngày 01/6/2022 có chữ ký xác nhận của người vay là ông L, bà T. Đến ngày 06/9/2022, ông L, bà T tiếp tục vay của bà M 10 chỉ vàng 04 số 9. Việc vay vàng được 02 bên xác lập bằng *"Giấy vay vàng không thế chấp"*, ngoài ra các bên không thỏa thuận về lãi suất. Đến ngày 06/10/2024, bà M có nhu cầu cần tiền nên đã yêu cầu ông L, bà T trả lại toàn bộ nợ vào cuối tháng 11/2024. Việc này thể hiện bà M đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện, đến nhà ông L, bà T đòi nợ nhưng ông L, bà T đều khất lần, không trả nên bà M đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án buộc ông L, bà T phải trả toàn bộ số tiền nợ 100.000.000đ và 01 cây vàng 9999.

Quá trình giải quyết vụ án bà T không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm của mình song tại phiên tòa bà T có mặt và xác nhận công nợ của vợ chồng bà như các Giấy vay tiền không thế chấp đề ngày 08/10/2021, Giấy vay tiền đề ngày 01/6/2022 và Giấy vay vàng không thế chấp đề ngày 06/9/2022, ông L và bà T đã ký tên xác nhận; ông L và bà có nợ tiền 100 triệu đồng và 01 cây vàng 9999 (tương ứng với 10 chỉ) như lời khai trình bày của bà M là chính xác. Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định" và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản

là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng". Việc vay vàng giữa cá nhân với cá nhân chỉ nhằm mục đích tương trợ giúp đỡ nhau không nhằm mục đích kinh doanh nên không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà M về việc buộc ông L và bà T phải trả khoản tiền gốc 100.000.000đ và 10 chỉ vàng 9999 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Đối với việc trả lãi: Mặc dù trong Giấy vay tiền đề ngày 08/10/2021 vay số tiền 60.000.000đ (có thỏa thuận lãi suất ông L, bà T phải trả hàng tháng nhưng không nêu cụ thể mức lãi suất bao nhiêu phần trăm). Tuy nhiên, quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bà Phạm Thanh M không yêu cầu ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận (số tiền 100.000.000 đồng, về giá vàng 9999 tại thời điểm xét xử (ngày 22/9/2025) trên thị trường, vàng 9999 có giá 12.700.000 đồng/01 chỉ; do vậy 10 chỉ vàng 9999 có giá 127.000.000 đồng) nên ông L và bà T phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 BLTTDS năm 2015;

- Điều 463, 466, 470 BLDS năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thanh M đối với bị đơn là ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn là vợ chồng ông Lưu Văn L và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Phạm Thanh M tổng số tiền gốc là 100.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là ông L và bà T phải chịu 11.350.000 đồng. Hoàn trả lại cho nguyên đơn là bà Phạm Thanh M số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001608 ngày 06/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Ninh Bình).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình.
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi